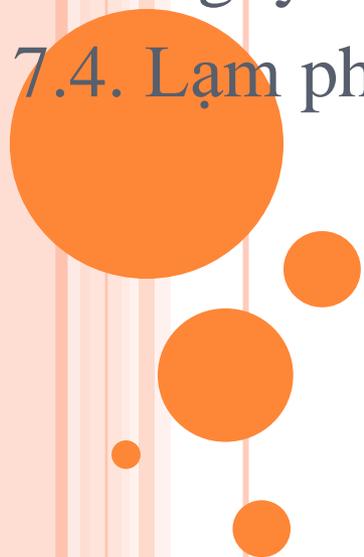


CHƯƠNG 7: LẠM PHÁT

- 7.1. Lạm phát: khái niệm, cách đo lường
- 7.2. Cái giá phải trả của lạm phát
- 7.3. Nguyên nhân của lạm phát
- 7.4. Lạm phát và thất nghiệp



LẠM PHÁT: KHÁI NIỆM VÀ CÁCH ĐO LƯỜNG

-
- Khái niệm: Lạm phát là sự gia tăng của mức giá chung
Giảm phát: sự sụt giảm của mức giá chung
- Tỷ lệ lạm phát: tốc độ tăng của mức giá chung trong một khoảng thời gian nhất định (thường là 1 năm)
- Tỷ lệ lạm phát (i) của năm t:

$$i = \frac{P_t - P_{t-1}}{P_{t-1}} \times 100 (\%)$$



ĐO LƯỜNG LẠM PHÁT

- Đo lường lạm phát; quy về đo lường mức giá chung
- Mức giá chung: được đo bằng các chỉ số giá.
- Chỉ số: thể hiện số liệu tương đối so với một giá trị gốc cho trước.
- Xây dựng chỉ số giá: lựa chọn một năm gốc hay năm cơ sở, chỉ số giá của năm gốc = 100
 - + Lựa chọn các hàng hóa để tính toán (toàn bộ hay đại diện)
 - + cố định giỏ hàng hóa hay các trọng số chi tiêu về các hàng hóa (theo năm gốc hay năm phân tích)
 - + Tính chi phí của giỏ hàng hóa theo giá cả của năm phân tích
 - + Tính chỉ số giá của năm phân tích



CÁC LOẠI CHỈ SỐ GIÁ

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): tính toán trên cơ sở một giỏ hàng hóa điển hình (phản ánh sự thay đổi giá tác động trực tiếp đến mức sống hay chi phí sinh hoạt của người TD)

$$CPI = \frac{\sum_{i=1}^n P_{it} * q_{i0}}{\sum_{i=1}^n P_{i0} * q_{i0}} \times 100$$

- Chỉ số giảm phát GDP (tính cho toàn bộ hàng hóa) $= \frac{GDP \text{ danh nghĩa}}{GDP \text{ thực tế}} \times 100$

- $= \frac{\sum p_{it} * q_{it}}{\sum p_{i0} * q_{it}} \times 100$

- Các loại chỉ số khác:



CÁI GIÁ PHẢI TRẢ CỦA LẠM PHÁT

- Lạm phát cân bằng, dự đoán được:
 - Lạm phát cân bằng: giá các hàng hóa tăng theo cùng tỷ lệ
=> giá tương đối của các hh không đổi => phân bổ hiệu quả các nguồn lực không bị ảnh hưởng
=> vẫn có chi phí: chi phí ‘mòn giày’ và chi phí “thực đơn”
- Lạm phát không cân bằng: thay đổi các mức giá tương đối => hiệu quả phân bổ nguồn lực bị suy giảm
- Lạm phát không dự đoán được: tạo ra tác động phân phối lại: người được lợi + người bị thiệt
- Chi phí lạm phát sẽ rất cao nếu tỷ lệ lạm phát cao, biến động thất thường: bất ổn vĩ mô, ngăn trở đầu tư dài hạn, khuyến khích các hiện tượng đầu cơ, chạy theo lợi ích ngắn hạn.



NGUYÊN NHÂN CỦA LẠM PHÁT

- Lý thuyết số lượng tiền tệ (giải thích dài hạn)

- * Phương trình số lượng

$M.V = P.Y$ (7.1) trong đó M là khối lượng tiền; V là tốc độ lưu thông của tiền; P : mức giá; Y : sản lượng hay GDP thực tế $\Rightarrow P.Y$ là GDP danh nghĩa

Phương trình trên là một đồng nhất thức theo định nghĩa. Vì thế, một đại lượng thay đổi đều có thể ảnh hưởng đến các đại lượng còn lại.

- Giả định V không thay đổi, trên thực tế Y chỉ có thể thay đổi nhỏ, do đó khi cung tiền M tăng mạnh \Rightarrow mức giá P sẽ tăng mạnh

- Nguyên nhân lạm phát; do tăng cung tiền M



NGUYÊN NHÂN CỦA LẠM PHÁT

* Biểu thể hiện đại của lý thuyết số lượng tiền tệ

- Hàm cầu về tiền: M/P được gọi là số dư tiền thực tế (khối lượng hàng, dịch vụ mà lượng tiền có thể mua được ở tại mức giá hiện hành)

$(M/P)^d$: nhu cầu về số dư tiền thực tế; M/P : mức cung tiền thực tế

Dưới dạng đơn giản có thể giả định hàm cầu về tiền:

$$(M/P)^d = k.Y \text{ trong đó } k \text{ là hằng số.}$$

- Để thị trường tiền tệ cân bằng mức cầu về số dư tiền thực tế phải bằng mức cung tiền thực tế M/P . Từ đó, ta có: $k.Y = M/P$ hay $M (1/k) = P.Y$ (7.2) \Rightarrow Tăng M là nguyên nhân tăng P

- Phương trình (7.2) hoàn toàn tương đương phương trình số lượng (7.1) trong đó $V = 1/k$.



GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN LẠM PHÁT THEO MÔ HÌNH AD-AS

- *Lạm phát cầu kéo:*

Khi AD tăng, đường AD dịch chuyển sang phải, mức giá chung P tăng => lạm phát

Nguyên nhân nào dẫn đến AD dịch chuyển sang phải?

Nếu cung tiền Ms không tăng, P sẽ không tiếp tục tăng, lạm phát sẽ dừng lại

- *Lạm phát chi phí đẩy:* chi phí sx chung tăng => đẩy đường AS dịch lên trên và sang trái, P tăng kèm theo Y giảm => xuất hiện hiện tượng đình lạm.

- *Lạm phát dự kiến hay lạm phát “ỳ”:* khi dân chúng dự kiến một tỷ lệ lạm phát nào đó trong tương lai, => mức lạm phát này sẽ được đưa vào các hợp đồng hay các thỏa thuận kinh tế => mức giá chung trong hiện tại sẽ bị tác động => gây ra lạm phát.



GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN LẠM PHÁT THEO MÔ HÌNH AD-AS

- Giả sử $\pi^e = 5\%$, và các đường AS, AD dịch chuyển liên tục với mức giá tăng hàng năm là 5%, nên kt vẫn có thể cân bằng tại mức Y_p song lạm phát sẽ tồn tại dai dẳng ở mức 5%.
- Các cú sốc trong AD, AS có thể làm lạm phát chệch ra khỏi mức lạm phát dự kiến.
- Khả năng tự điều chỉnh của thị trường: Giả sử chi phí sx chung tăng, AS dịch chuyển lên trên \Rightarrow lạm phát chi phí đẩy.

Nếu CP không can thiệp, Ms không thay đổi \Rightarrow hiện tượng $Y < Y_p$, hay $u > u_N$ sẽ ép $w \downarrow \Rightarrow$ AS dịch xuống dưới \Rightarrow cân bằng dài hạn lại tái lập, lạm phát sẽ chấm dứt. Lạm phát chỉ kéo dài khi CP liên tục tăng Ms.



LẠM PHÁT VÀ LÃI SUẤT

- $(M/P)^d$ không chỉ phụ thuộc vào Y mà còn phụ thuộc vào lãi suất: $(M/P)^d = L(Y, r)$
- Do đó đ/k cân bằng của tt tiền tệ là $M_s/P = L(Y, r)$ (7.2)
- Trong dài hạn: giá và lương sẽ điều chỉnh hoàn toàn \Rightarrow các biến số thực tế (Y , việc làm, r thực tế, w thực tế) sẽ không thay đổi \Rightarrow cầu tiền thực tế không thay đổi \Rightarrow Mức giá P sẽ thay đổi theo mức độ tăng của M_s để đảm bảo điều kiện (7.2).
- Trong NH, do P thay đổi chậm chạp, $\uparrow M_s \Rightarrow \uparrow (M_s/P) \Rightarrow$ dư cung tiền thực tế kéo r giảm $\Rightarrow I$ & AE tăng $\Rightarrow AD$ tăng $\Rightarrow P$ tăng đi kèm với Y tăng.



LẠM PHÁT VÀ LÃI SUẤT

- Cần phân biệt lãi suất danh nghĩa (i) và thực tế (r)
 $r = i - \pi$ trong đó π là tỷ lệ lạm phát
- Khi $\pi \uparrow \Rightarrow$ lãi suất danh nghĩa (i) \uparrow để duy trì lãi suất thực tế (r).
- Giả thuyết Fisher: $i = r + \pi$ (r do cân bằng tiết kiệm và đầu tư quyết định, π do tốc độ tăng cung tiền quyết định)
 \Rightarrow Tăng cung tiền sẽ ảnh hưởng đến lãi suất danh nghĩa (theo tỷ lệ 1 - 1)
- Lãi suất thực tế dự kiến và lãi suất thực tế thực hiện:
 - + Khi thỏa thuận lãi suất danh nghĩa, người ta thường dự kiến một tỷ lệ lạm phát trong tương lai (có thể khác với tỷ lệ lạm phát thực sự)



LẠM PHÁT VÀ LÃI SUẤT

+ lãi suất thực tế dự kiến = $i - \pi^e$,

+ lãi suất thực tế thực hiện = $i - \pi$

- Vì không biết trước tỷ lệ lạm phát mà chỉ có dự kiến về nó nên hiệu ứng Fisher thực sự là:

$$i = r + \pi^e$$

Nghĩa là: khi lạm phát dự kiến tăng 1% thì lãi suất danh nghĩa cũng tăng lên 1%.



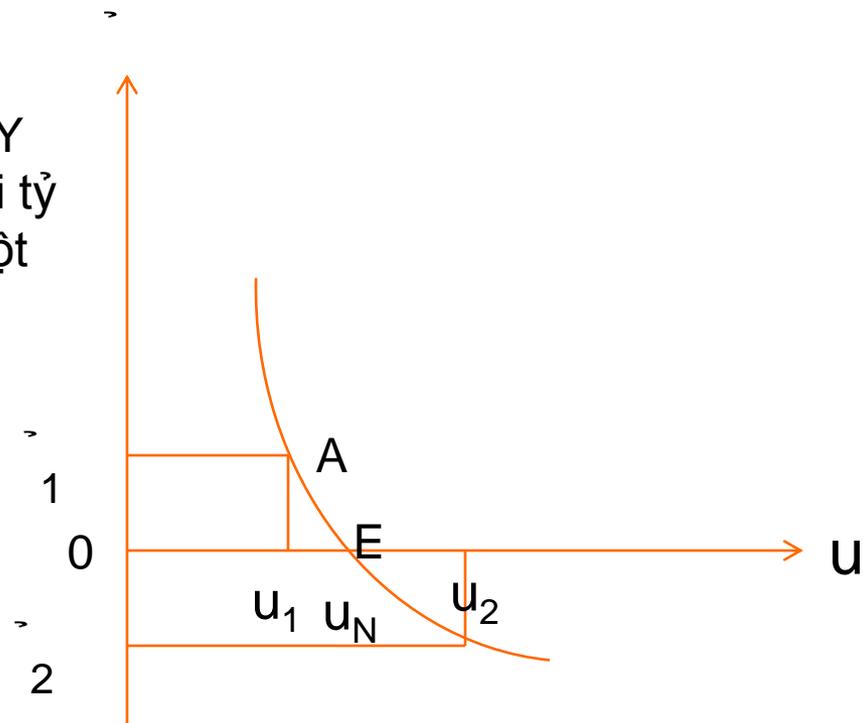
LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP

- (William Phillips là nhà kth sinh ra ở New Zealand, phát hiện mối quan hệ giữa tỷ lệ thay đổi trong tiền công danh nghĩa và tỷ lệ thất nghiệp trên cơ sở khảo sát số liệu ở vương quốc Anh trong giai đoạn 1861 -1957)
- Đường Phillips: mô tả quan hệ giữa tỷ lệ lạm phát với tỷ lệ thất nghiệp
- Đường Phillips ngắn hạn: Phillips cho rằng trong ngắn hạn có sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp



LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP

Khi nền kinh tế ở trạng thái cân bằng dài hạn tại điểm E. Theo đường Phillips ban đầu, khi đó Y đạt mức Y_p và $u = u_N$ đồng thời tỷ lệ lạm phát là bằng 0. Khi có một cú sốc tổng cầu chẳng hạn làm tổng cầu tăng, Y tăng, u giảm xuống u_1 , và đồng thời π tăng thành π_1 . Ngược lại, khi AD quá thấp, $Y < Y_p$, $u = u_2 > u_N$, lạm phát hạ xuống $\pi_2 < 0$. Đường Phillips mở rộng tính sức ỳ lạm phát do lạm phát dự kiến. Theo đó, khi $u = u_N$, thì $\pi = \pi^e$; khi $u < u_N$, thì $\pi > \pi^e$ và ngược lại: nếu $u > u_N$, thì $\pi < \pi^e$. Rõ ràng trong các trường hợp này, có một sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp



LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP

- Sự đánh đổi: muốn giảm lạm phát, phải chấp nhận một mức thất nghiệp cao hơn và ngược lại.
- Trong dài hạn: thị trường có xu hướng chuyển dịch về điểm cân bằng dài hạn tại đó $Y = Y_p$ và $u = u_n$. Sản lượng dài hạn Y_p không bị tác động bởi mức giá P hay lạm phát, đường AS dài hạn là đường thẳng đứng.
- Tương tự, vì u_N , trong dài hạn không phụ thuộc vào tỷ lệ lạm phát, đường Phillips dài hạn là một đường thẳng đứng.
- Trong dài hạn, $\pi = \pi^e$. Các mức lạm phát dự kiến khác nhau gắn với các điểm khác nhau trên đường Phillips dài hạn.



HÀM Ý CHÍNH SÁCH

- Dài hạn: cắt giảm lạm phát: giảm cung tiền hoặc kiểm soát chặt chẽ cung tiền
- Ngắn hạn:
 - + Áp dụng chính sách tài khóa hoặc tiền tệ thắt chặt => giảm tổng cầu để cắt giảm lạm phát.
 - + Tác động đến dự kiến lạm phát của dân chúng: tạo lập niềm tin cho DN và người tiêu dùng => ví dụ cắt giảm thâm hụt ngân sách thật sự và dân chúng tin vào chính sách của CP
 - + Đôi khi người ta cũng áp dụng chính sách thu nhập – kiểm soát giá và lương nhằm hạn chế lạm phát: chính sách này thường không hiệu quả.

Về lâu dài, chống/hạn chế lạm phát phải đi đôi với cắt giảm hoặc hạn chế tăng Ms.

